TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:159/2022/HSST
Ngày 03/6/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương**
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Tạ Thị Thà.**
- Bà **Nguyễn Anh Thư.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Trung** - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 140/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022; đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị D**, Sinh năm 1980; Giới tính: Nữ; HKTT: Xóm 6, thôn K, xã Đông T, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Số 36 ngách 150/55 phố V, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội; nghề Nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn Ngoạn, sinh năm 1943 (đã chết) và bà Trịnh Thị Lãnh, sinh năm 1951 (đã chết); Gia đình có ba chị em, bị cáo là con thứ nhất; Có chồng: Nguyễn Phú Thịnh, sinh năm 1977 (đã ly hôn); Có một con sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Chưa; theo Danh chỉ bản số 59 do Công an quận H lập ngày 07/01/2022;

Bị cáo tại ngoại, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

* Bị hại: Bà **Nguyễn Thị Á**, sinh năm 1969. Vắng mặt.
Trú tại: Số 6 nhà Y, ngõ 319 T, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội truy tố:

Lê Thị D được bà Nguyễn Thị Á sinh năm 1969, trú tại Số 366, phố L, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thuê phụ giúp bán hàng tại cửa hàng bánh mỳ que Hải Phòng tại Ki-ốt số 6, dãy Y, Ngõ 319, đường T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội từ năm 2016. Bà Á thường để tiền bán hàng vào túi xách rồi cất trong tủ quần áo tại gác xép làm phòng ngủ của ki-ốt.

Ngày 07/12/2021, bà Á kiểm tra túi xách thì thấy bị mất số tiền 100 đô la Canada và khoảng 10.000.000 đồng, gồm các tờ có mệnh giá từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng. Do không biết ai trộm cắp nên bà Á đã lắp máy ghi hình để theo dõi.

Khoảng 07 giờ 30 ngày 20/12/2021, D bán hàng như mọi ngày, rồi lấy lý do đi uống nước và đi vệ sinh, để lên gác xép mở tủ lấy trong túi xách 20.000.000 đồng (gồm 40 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng) giấu vào túi áo khoác. Sau đó, D đi xuống tiếp tục bán hàng đến 10 giờ 30 phút cùng ngày thì D về. Đi được một đoạn, D lấy tiền trong tủi áo khoác cất giấu vào trong cốp xe máy điện của D. Sau khi D ra về, bà Á kiểm tra túi xách thấy mất số tiền 20.000.000 đồng nên rà soát máy ghi hình an ninh lắp đặt tại nhà và thấy ghi lại hình ảnh D trộm cắp tiền. Cùng ngày, bà Á đến Cơ quan công an trình báo sự việc, cung cấp hình ảnh dữ liệu ghi hình và số seri của 04 tờ tiền trong số tiền bị trộm cắp do bà Á ghi nhớ được.

Khi Cơ quan công an triệu tập Lê Thị D đến làm việc, D đã khai nhận có 02 lần trộm cắp tài sản của bà Á, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/12/2021, D lấy trộm 01 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Canada và 6.800.000 đồng (Gồm: 05 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 05 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 20 tờ mệnh giá 100.000 đồng và 26 tờ mệnh giá 50.000 đồng).

Lần 2: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 20/12/2021, D lấy trộm số tiền 20.000.000đồng, sau đó cất giấu trong cốp xe máy điện, chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện và đã giao nộp Cơ quan điều tra.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ:.

- Thu do Lê Thị D giao nộp: 20.000.000 đồng (Gồm 40 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng, trong đó có bốn tờ có số seri: EI19453686, ZH18505589, WU15559189, AK19396928 trùng khớp với số seri do bà Á cung cấp và 01 xe

máy điện màu xanh không biển kiểm soát, số khung 2016011800208, số máy TY60V500W30H160100546 (xe đã qua sử dụng).

- Thu giữ khi kiểm tra dữ liệu máy ghi hình tại ki-ốt của bà Nguyễn Thị Á: 01 USB lưu giữ đoạn hình ảnh ghi lại hành vi trộm cắp tài sản của Lê Thị D ngày 20/12/2021.

Ngoài ra, vật chứng của vụ án còn có 01 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Canada và 6.800.000 đồng, là số tiền D trộm cắp của bà Á ngày 07/12/2021. Theo khai nhận, D đã đổi 100 đô la Canada cho một người đàn ông không quen biết được 1.740.000 đồng. Toàn bộ số tiền trộm cắp được của lần trên, D đã trả nợ và chi tiêu cá nhân hết nên không thu hồi được. Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Canada thời điểm ngày 07/12/2021 trị giá 1.764.300 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng, trả lại bà Nguyễn Thị Á số tiền 20.000.000 đồng đã thu giữ. Bà Á yêu cầu tiếp tục được bồi thường nốt số tài sản bị chiếm đoạt còn lại.

Chiếc xe máy điện không biển kiểm soát đã thu giữ của D, là phương tiện cất giấu tài sản trộm cắp được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự quận H, để chờ quyết định xử lý.

Chiếc USB lưu giữ đoạn hình ảnh thu được từ dữ liệu máy ghi hình được chuyển làm tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Lê Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị can phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 136/CT-VKS ngày 10/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố bị cáo Lê Thị D về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Thị D thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về gia đình và hòa nhập xã hội.

Kiểm sát viên nắm quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thị D như bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức

độ của hành vi phạm tội; nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lê Thị D từ 08 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bị cáo bồi thường đủ và không có yêu cầu gì, nên không xét.

- Đối với 01 chiếc xe máy điện không biển kiểm soát đã thu giữ của D, là phương tiện bị cáo đi lại nên cần trả lại bị cáo.

[3] Phần tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận Kiểm sát viên luận tội đối với hành vi phạm tội của mình là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, nên không có tranh luận với Kiểm sát viên.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét về hành vi vi phạm bị truy tố:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội D cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, vật chứng thu được của vụ án, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Lê Thị D được bà Nguyễn Thị Á thuê phụ bán hàng tại cửa hàng bán bánh mì que ki ốt số 6, dãy Y, ngõ 319 đường T, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội. Khoảng 07 giờ 30 ngày 20/12/2021, bị cáo phụ bán hàng như mọi ngày, rồi lấy lý do đi uống nước và đi vệ sinh, lợi dụng lúc gia đình bà Á không để ý bị cáo lên gác xép lén lút mở tủ lấy trong túi xách 20.000.000 đồng (gồm 40

tờ tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng) giấu vào túi áo khoác. Sau đó, bị cáo đi xuống tiếp tục bán hàng đến 10 giờ 30 phút cùng ngày thì bị cáo đi về. Đi được một đoạn, bị cáo lấy tiền trong tủi áo khoác cất giấu vào trong cốp xe máy điện của bị cáo. Toàn bộ hành vi lén lút trộm cắp tiền của nị cáo bị camera an ninh của gia đình bà Á ghi lại được. Ngoài ra bị cáo còn khai nhận ngày 07/12/2021, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Canada và 6.800.000 đồng (Gồm: 05 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 05 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 20 tờ mệnh giá 100.000 đồng và 26 tờ mệnh giá 50.000 đồng) của bà Nguyễn Thị Á. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bà Á ngày 07/12/2021 và ngày 20/12/2021 là 28.564.300đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị D đã đủ yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Thị D là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Xét hành vi của bị cáo Lê Thị D là nguy hiểm cho xã hội. Xác định hành vi phạm tội của bị cáo là tội phạm ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt là không lớn. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bà Á thuê bị cáo bán hàng, lợi dụng lúc bà Á không quản lý được tài sản, bị cáo đã lén lút lên gác xép mở tủ lấy trộm tiền trong túi xách của bà Á để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Lê Thị D thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản vào ngày 07/12/2021 và ngày 20/12/2021 nên phạm tội thuộc trường hợp hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần phải có hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho người bị hại, bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Đối với tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền, tịch thu một phần hoặc toàn

bộ tài sản. Hội đồng xét xử, xét bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng lớn nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Biện pháp tư pháp: Đối với 01 chiếc xe máy điện màu xanh, không biển kiểm soát; SK: 2016011800208; SM: TY60V500W30H160100546 thu giữ của Lê Thị D; là phương tiện đi lại của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội; do vậy khi giải quyết cần căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định, cần:

- Trả bị cáo Lê Thị D 01 chiếc xe máy điện màu xanh, không biển kiểm soát; SK: 2016011800208; SM: TY60V500W30H160100546;

[5]. Các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường đầy đủ và không có yêu cầu gì, nên HĐXX không xét.

- Đối với 01 chiếc USB lưu giữ đoạn hình ảnh thu được từ dữ liệu máy ghi hình được chuyển làm tài liệu được lưu trong hồ sơ vụ án.

[6] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 89; 135, 136, 331, 333, 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 và Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị D** 08 (Tám) tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Miễn phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Nguyễn Thị Á đã được bồi thường và không có yêu cầu gì, nên HĐXX không xét.

3. Biện pháp tư pháp:Trả bị cáo Lê Thị D 01 chiếc xe máy điện màu xanh, không biển kiểm soát; SK: 2016011800208; SM: TY60V500W30H160100546;

Toàn bộ vật chứng nêu trên, đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội, theo Phiếu nhập kho vật chứng, tài sản số NK2022-0193, ngày 12/5/2022.

4. Về án phí HSST: Bị cáo Lê Thị D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Công an quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Xuân Phương